

Số: 1111/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2284/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành “Quy chế về xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy văn bằng thứ nhất của Trường Đại học Luật Hà Nội”;

Căn cứ Quyết định số 1888/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc quy định mức thu học phí, học phí học lại, học phí bảo lưu học cùng khoá khác đào tạo trình độ đại học năm học 2025-2026 của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc trích quỹ học bổng khuyến khích học tập năm 2026 của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 1084/KH-ĐHLHN ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc đánh giá điểm rèn luyện và xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2025-2026 của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập của Trường Đại học Luật Hà Nội ngày 25 tháng 8 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2025 - 2026 cho 636 sinh viên khóa 48, 49 và 50 hệ đào tạo chính quy tập trung (có danh sách kèm theo) với số tiền: 11.409.533.600 (Mười một tỉ, bốn trăm lẻ chín triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng), cụ thể như sau:

- Ngành Luật có 297 sinh viên.
- Ngành Luật Kinh tế có 126 sinh viên.

- Ngành Luật Thương mại Quốc tế có 55 sinh viên.
- Ngành Ngôn ngữ Anh có 58 sinh viên.
- Ngành Luật (tại Phân hiệu Đắk Lắk) có 56 sinh viên.
- Ngành Luật chương trình đào tạo chất lượng cao có 31 sinh viên.
- Ngành Luật Kinh tế chương trình đào tạo chất lượng cao có 13 sinh viên.

Điều 2. Mức học bổng cụ thể cho từng loại đối tượng được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Phòng Đào tạo đại học, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Quản trị, Trưởng các Khoa, đơn vị liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Công TTĐT của Trường (để đưa tin);
- Lưu VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



★ **Nguyễn Bá Bình**

NĂM HỌC: 2025 - 2026

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	480132	Trần Thị	Hương	4801	20		8.51		81.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
2	480147	Hoa Trà	My	4801	20		8.50		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
3	480154	Đào Thị	Phương	4801	15		9.03		84.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
4	480166	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	4801	18		8.50		83.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
5	483322	Trần Văn	Lý	4801	20		9.20		89.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
6	4840035	Tạ Ngọc	Huyền	4801	23		8.77		89.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
7	4840070	Tạ Quang	Phát	4801	23		8.76		85.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
8	480213	Khúc Ngọc	Bảo	4802	15		8.49		87.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
9	480214	Vũ Quỳnh	Chi	4802	21		8.50		81.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
10	480233	Nguyễn Thị Thu	Hường	4802	21		8.51		85.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
11	480242	Phạm Thùy	Linh	4802	20		8.90		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
12	480250	Trương Hào	Nam	4802	23		8.55		81.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
13	480266	Phan Vũ Anh	Tuấn	4802	19		8.52		93.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
14	480301	Bùi Quỳnh	Anh	4803	25		8.61		77.50	20 000 000		20 000 000	Khá
15	480315	Nguyễn Ngọc	Diệp	4803	20		8.72		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
16	480327	Nguyễn Thúy	Hiền	4803	20		8.67		75.50	16 000 000		16 000 000	Khá
17	480342	Nguyễn Trọng	Lộc	4803	21		8.97		76.50	16 800 000		16 800 000	Khá
18	480363	Dương Hoài	Thư	4803	23		8.51		76.50	18 400 000		18 400 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
19	480403	Đỗ Diệp Anh	4804	19		8.93		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
20	480406	Nguyễn Phương Anh	4804	19		8.91		81.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
21	480417	Nguyễn Thùy Dương	4804	22		8.54		86.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
22	480427	Nguyễn Minh Hiên	4804	17		8.49		92.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
23	480463	Đỗ Nguyễn Minh Thu	4804	23		8.70		87.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
24	480472	Đinh Thị Hà Vy	4804	21		8.59		81.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
25	480473	Nguyễn Lê Tường Vy	4804	18		8.63		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
26	4840095	Nguyễn Quốc Trung	4804	20		8.70		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
27	480529	Hà Thu Huyền	4805	23		8.77		90.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
28	480552	Đinh Xuân Phổ	4805	20		8.66		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
29	483424	Nguyễn Bảo Ngọc	4805	20		8.87		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
30	480606	Nguyễn Thị Phương Anh	4806	20		8.96		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
31	480627	Lê Phương Huyền	4806	18		9.00		93.00	17 280 000		17 280 000	Xuất sắc
32	480630	Nguyễn Văn Hương	4806	20		8.87		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
33	480650	Lê Gia Phú	4806	22		8.53		88.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
34	480662	Nguyễn Phạm Thảo Trang	4806	24		8.55		82.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
35	480720	Lương Tiến Hiệp	4807	20		8.97		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
36	480737	Trần Khánh Linh	4807	18		8.69		71.50	14 400 000		14 400 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
37	480739	Phạm Thị Hương Ly	4807	21		8.53		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
38	480743	Phạm Thanh Ngân	4807	18		8.52		71.50	14 400 000		14 400 000	Khá
39	480745	Đặng Thị Thanh Ngoan	4807	18		8.77		83.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
40	480763	Hà Phương Trang	4807	18		8.74		94.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
41	480802	Hoàng Phương Anh	4808	21		8.49		80.00	18 480 000		18 480 000	Giỏi
42	480808	Phạm Thanh Bình	4808	21		8.51		81.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
43	480813	Vũ Đình Minh Cương	4808	22		8.66		86.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
44	480817	Đặng Hương Giang	4808	24		8.54		80.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
45	480822	Đặng Quang Minh Hiếu	4808	24		8.48		82.00	21 120 000		21 120 000	Giỏi
46	480845	Bùi Thị Minh Ngọc	4808	15		8.58		80.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
47	480852	Trương Thị Thu Quỳnh	4808	23		8.80		81.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
48	480869	Nguyễn Văn Hùng Vĩ	4808	21		8.52		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
49	480907	Phạm Kim Anh	4809	23		8.85		80.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
50	480908	Giáp Thanh Bình	4809	20		8.58		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
51	480936	Nguyễn Ngọc Linh	4809	22		8.60		80.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
52	480968	Nguyễn Tường Vy	4809	22		8.60		92.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
53	481018	Nguyễn Thị Diệu	4810	17		8.81		89.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
54	481020	Trần Tùng Dương	4810	22		8.56		89.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
55	481028	Lương Mai	Hoa	4810	22		8.50		92.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
56	481037	Vũ Thị Diệu	Lam	4810	17		8.92		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
57	481071	Giàng Thị	Xuân	4810	22		8.56		88.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
58	481106	Phạm Thị Vân	Anh	4811	17		8.63		83.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
59	481126	Đào Thị	Hòa	4811	19		8.49		89.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
60	481138	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4811	21		8.53		81.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
61	481141	Vũ Thị Xuân	Mai	4811	19		8.57		81.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
62	481143	Nguyễn Ngọc	Minh	4811	20		8.56		82.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
63	481149	Lương Thị	Nhinh	4811	17		9.23		88.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
64	481173	Nguyễn Hạ	Vy	4811	20		8.77		89.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
65	481217	Nguyễn Thị Thùy	Dương	4812	19		8.53		87.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
66	481226	Đặng Thu	Hằng	4812	19		8.64		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
67	481242	Trần Nguyễn Hoàng	Long	4812	20		8.61		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
68	481244	Trần Đức	Mạnh	4812	17		8.52		85.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
69	481246	Nguyễn Thị Thu	Minh	4812	19		8.63		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
70	481257	Đào Văn	Sơn	4812	17		8.77		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
71	481260	Bùi Thị Huyền	Thanh	4812	17		9.00		91.00	16 320 000		16 320 000	Xuất sắc
72	481306	Mai Ngọc	Anh	4813	17		8.77		77.50	13 600 000		13 600 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1011/QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
73	481311	Đỗ Hoàn Châu	4813	17		8.82		73.50	13 600 000		13 600 000	Khá
74	481343	Hoàng Đức Lưu	4813	17		8.51		77.50	13 600 000		13 600 000	Khá
75	481347	Phùng Ngọc Minh	4813	22		8.92		89.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
76	481352	Đàm Thị Hồng Nhung	4813	19		8.53		80.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
77	481370	Phạm Đức Tùng	4813	17		8.68		95.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
78	481408	Trịnh Quang Anh	4814	22		8.49		87.00	19 360 000		19 360 000	Giỏi
79	481411	Nguyễn Tuấn Công	4814	24		8.57		66.50	19 200 000		19 200 000	Khá
80	481431	Vũ Hữu Hưng	4814	22		8.55		88.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
81	481452	Đèo Thị Phương Nhung	4814	23		8.51		95.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
82	481467	Nguyễn Ngọc Trâm	4814	20		8.80		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
83	481469	Bùi Anh Tú	4814	23		8.91		95.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
84	481517	Lê Hương Giang	4815	24		8.58		87.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
85	481547	Nguyễn Thị Thúy Nga	4815	20		8.83		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
86	481549	Hồ Thị Thùy Nhân	4815	20		8.65		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
87	481556	Nguyễn Diễm Quỳnh	4815	23		8.86		86.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
88	481623	Phạm Thu Hà	4816	20		8.68		78.50	16 000 000		16 000 000	Khá
89	481638	Giang Thị Phương Linh	4816	22		8.89		82.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
90	481644	Trần Nhật Minh	4816	19		8.63		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
91	481666	Nguyễn Hà Trang	4816	20		8.51		83.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
92	481673	Nguyễn Phương Giang	4816	23		8.57		76.50	18 400 000		18 400 000	Khá
		Tổng số SV theo danh sách: 92							1 619 280 000		1 619 280 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241010714	Đỗ Minh Nguyệt	2410701	22		8.55		84.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
2	241010737	Trần Thị Hải Yến	2410701	20		8.69		90.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
3	241010754	Nguyễn Văn Dũng	2410702	19		8.91		93.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
4	241010759	Ngô Thị Giang	2410702	20		8.65		85.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
5	241010815	Nguyễn Hiền Anh	2410703	20		8.59		83.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
6	241010818	Tạ Hồng Anh	2410703	18		8.64		87.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
7	241010829	Trần Đăng	2410703	16		8.71		81.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
8	241010839	Mai Nguyễn Thu Huyền	2410703	20		8.58		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
9	241010891	Tô Quang Anh	2410704	20		8.57		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
10	241010930	Đặng Thu Ngân	2410704	20		8.51		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
11	241010935	Nguyễn Phương Nhi	2410704	20		8.51		89.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
12	241010957	Nguyễn Thị Ngọc ánh	2410704	20		8.48		83.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
13	241010966	Đàm Nguyễn Anh Duy	2410705	20		8.58		90.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
14	241010970	Phạm Gia Khoa	2410705	22		8.85		92.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
15	241010989	Nguyễn Đặng Hải Linh	2410705	16		8.50		86.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
16	241011021	Nguyễn Bảo Trang	2410705	18		8.81		93.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
17	241011060	Ngô Duy Khánh	2410706	20		8.62		95.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
18	241011090	Nguyễn Diệu Thảo	2410706	20		8.75		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
19	241011177	Đoàn Phương Anh	2410708	25		9.32		89.00	22 000 000		22 000 000	Giỏi
20	241011222	Đào Yến Ngọc	2410708	20		8.56		82.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
21	241011234	Trần Chí Thành	2410708	20		8.55		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
22	241011247	Nguyễn Quang Vinh	2410708	20		8.86		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
23	241011323	Hà Đặng Minh Anh	2410710	18		8.54		84.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
24	241011328	Trần Lan Anh	2410710	16		8.63		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
25	241011347	Tạ Phạm Minh Hiền	2410710	19		8.78		95.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
26	241011349	Phạm Đức Huy	2410710	20		8.74		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
27	241011358	Lê Phương Linh	2410710	19		8.69		91.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
28	241011390	Nguyễn Ngọc Gia Tuệ	2410710	22		8.66		88.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
29	241011439	Nguyễn Xuân Nam	2410711	21		8.60		83.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
30	241011440	Nguyễn Thị Hiếu Ngân	2410711	16		8.68		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
31	241011448	Đỗ Thị Minh Phương	2410711	16		8.68		80.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
32	241011458	Mai Anh Thư	2410711	19		8.54		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
33	241011459	Nguyễn Thị Huyền Trang	2410711	21		8.60		87.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
34	241011460	Trương Thùy Trang	2410711	18		8.98		83.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
35	241011462	Nguyễn Ngọc Hạnh Trinh	2410711	18		8.83		89.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
36	241011465	Nguyễn Đặng Thanh Vân	2410711	19		8.75		82.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
37	241013385	Nguyễn Ngọc Linh	2410711	19		8.55		85.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
38	241011471	Hoàng Đức Anh	2410712	21		8.51		83.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
39	241011472	Lưu Trịnh Châu Anh	2410712	21		8.48		88.00	18 480 000		18 480 000	Giỏi
40	241011495	Bùi Quang Huy	2410712	21		8.96		94.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
41	241011503	Đoàn Phương Liên	2410712	15		8.53		87.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
42	241011519	Phạm Phương Nhi	2410712	17		8.49		90.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
43	241011523	Tạ Thị Bích Phượng	2410712	19		8.72		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
44	241011530	Nguyễn Anh Thư	2410712	21		8.67		90.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
45	241011536	Ngô Thị Ngọc Tú	2410712	22		8.80		90.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
46	241011538	Hoàng Hà Vy	2410712	19		8.76		88.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
47	241011539	Đỗ Lê Hải Yến	2410712	23		8.89		90.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
48	241011546	Phạm Thị Hà Anh	2410713	21		8.78		95.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
49	241011548	Trương Gia Bách	2410713	23		8.55		86.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
50	241011550	Nguyễn Minh Châu	2410713	16		8.63		93.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
51	241011553	Phạm Thị Dung	2410713	25		8.77		92.50	22 000 000		22 000 000	Giỏi
52	241011555	Nguyễn Thị ánh Dương	2410713	20		8.71		83.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
53	241011562	Trần Thị Thúy Hằng	2410713	22		8.75		91.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
54	241011563	Phạm Thị Khánh Hiền	2410713	17		8.49		86.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
55	241011595	Nguyễn Duy	Quang	2410713	23		8.51		88.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
56	241011604	Lưu Thu	Trà	2410713	20		8.52		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
57	241013203	Trần Danh	Cường	2410713	18		8.69		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
58	241013260	Trần Bình	Minh	2410713	17		8.65		84.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
59	241011612	Hoàng Nguyễn Mỹ	Anh	2410714	19		8.68		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
60	241011614	Nguyễn Ngọc	Anh	2410714	23		8.55		84.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
61	241011617	Trần Phương	Anh	2410714	17		8.59		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
62	241011623	Tạ Kim	Duy	2410714	21		8.59		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
63	241011627	Dương Minh	Đức	2410714	16		8.66		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
64	241011630	Nguyễn Thị Thu	Hà	2410714	24		8.60		88.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
65	241011639	Hà Thị Lan	Hương	2410714	16		8.71		89.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
66	241011646	Nguyễn Khánh	Linh	2410714	19		8.78		82.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
67	241011659	Phạm Thảo	Nguyên	2410714	19		8.77		82.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
68	241011660	Hoàng Yến	Nhi	2410714	17		8.52		88.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
69	241011695	Đào Tuấn	Dũng	2410715	23		8.70		90.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
70	241011696	Nguyễn Thùy	Dương	2410715	23		8.58		86.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
71	241011701	Nguyễn Thị Thu	Hà	2410715	19		8.53		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
72	241011749	Đặng Quốc	Trọng	2410715	23		8.62		90.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
73	241011770	Đình Tiến Dũng	2410716	19		8.68		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
74	241011776	Nguyễn Thị Thuý Hà	2410716	21		8.54		84.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
75	241011784	Trương Hữu Khanh	2410716	19		8.54		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
76	241011799	Dương Trà My	2410716	18		8.54		92.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
77	241011813	Ngô Đức Thái	2410716	23		8.75		84.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
78	241011819	Nguyễn Thái Trang	2410716	20		8.56		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
79	241011827	Đình Ngọc ánh	2410716	19		8.49		77.00	15 200 000		15 200 000	Khá
80	241011842	Đoàn Tiến Dũng	2410717	19		8.50		82.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
81	241011861	Hà Ngọc Linh	2410717	16		8.71		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
82	241011862	Lương Thị Diệu Linh	2410717	19		8.77		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
83	241011871	Nguyễn Quang Minh	2410717	17		8.99		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
84	241011875	Ngô Hồng Ngọc	2410717	21		8.75		90.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
85	241011899	Khổng Thị Ngọc ánh	2410717	23		8.80		93.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
86	241011964	Vũ Phương Trang	2410718	17		8.52		95.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
87	241011965	Nguyễn Thanh Trúc	2410718	19		8.51		85.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
88	241011998	Trần Mạnh Hoàng	2410719	21		8.57		80.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
89	241012000	Lê Thị Huyền	2410719	21		8.77		89.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
90	241012006	Chu Gia Linh	2410719	19		9.03		92.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 19.11 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
91	241012012	Vũ Phương	Linh	2410719	19		8.69		92.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
92	241012015	Đỗ Nhật	Minh	2410719	21		8.61		82.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
93	241012017	Phạm Bùi Hằng	Nga	2410719	21		8.84		88.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
94	241012020	Trần Thị Minh	Ngọc	2410719	19		8.48		89.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
95	241012026	Phạm Minh	Phương	2410719	17		8.64		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
96	241012030	Trịnh Nguyễn Minh	Thanh	2410719	17		8.88		89.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
97	241012031	Lê Hương	Thảo	2410719	21		8.66		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
98	241012033	Nguyễn Đức	Thuận	2410719	18		8.84		85.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
99	241012035	Hoàng Thị Huyền	Trang	2410719	21		8.63		84.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
100	241012042	Phạm Thị Hải	Yến	2410719	21		8.75		85.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
101	241013381	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	2410719	16		8.89		91.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
102	241012049	Phùng Thùy	Anh	2410720	21		8.51		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
103	241012056	Nguyễn Sỹ	Dũng	2410720	21		9.06		96.00	20 160 000		20 160 000	Xuất sắc
104	241012073	Vũ Giang	Khánh	2410720	19		8.50		83.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
105	241012074	Bùi Thị Ngọc	Lan	2410720	21		8.81		80.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
106	241012075	Chu Khánh	Linh	2410720	23		8.54		86.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
107	241012076	Hà Thùy	Linh	2410720	19		8.55		76.50	15 200 000		15 200 000	Khá
108	241012078	Nguyễn Ngọc	Linh	2410720	19		8.68		83.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
109	241012079	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	2410720	19		8.70		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
110	241012104	Lê Hải Hiền	Thục	2410720	18		9.07		86.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
111	241012113	Trần Hà	Vy	2410720	18		8.53		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
112	241013428	Nguyễn Minh	Thư	2410720	16		8.81		83.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 112										1 930 000 000		1 930 000 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	251010562	Hà Minh Anh	2510601	21		8.38		66.00	16 800 000		16 800 000	Khá
2	251010566	Phạm Minh Anh	2510601	21		9.42		95.00	20 160 000		20 160 000	Xuất sắc
3	251010605	Bùi Nguyễn Trà My	2510601	19		8.55		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
4	251010691	Đặng Nguyễn Hải Oanh	2510602	19		8.47		91.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
5	251010693	Đỗ Thu Phương	2510602	19		8.69		88.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
6	251010714	Nguyễn Đình Hải An	2510603	19		8.59		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
7	251010721	Trần Vy Anh	2510603	22		8.47		82.00	19 360 000		19 360 000	Giỏi
8	251010737	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2510603	19		8.35		81.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
9	251010751	Nguyễn Ngọc Linh	2510603	21		8.42		82.00	18 480 000		18 480 000	Giỏi
10	251010761	Bùi Hoàng Ngân	2510603	17		8.42		77.00	13 600 000		13 600 000	Khá
11	251010762	Trần Kim Ngân	2510603	19		8.52		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
12	251010790	Phạm Hà Vy	2510603	16		8.63		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
13	251011550	Mai Phương Thuý	2510603	19		8.93		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
14	251010793	Hồ Hồng Anh	2510604	19		8.66		83.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
15	251010856	Nguyễn Anh Thư	2510604	19		8.82		87.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
16	251010888	Lê Phương Hà	2510605	19		8.51		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
17	251010905	Nguyễn Nhật Linh	2510605	19		8.64		88.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
18	251010933	Nguyễn Anh Thư	2510605	19		8.58		87.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
19	251010943	Đinh Hà Vy	2510605	23		8.35		84.00	20 240 000		20 240 000	Giỏi
20	251010985	Tống Bảo Long	2510606	17		8.83		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
21	251011012	Lại Thị Thu Thủy	2510606	19		8.65		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
22	251011016	Trần Quỳnh Trang	2510606	17		8.34		86.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
23	251011027	Nguyễn Thế Anh	2510607	19		8.78		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
24	251011039	Nguyễn Thùy Dương	2510607	19		8.85		83.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
25	251011057	Hoàng Ngọc Linh	2510607	19		8.56		79.50	15 200 000		15 200 000	Khá
26	251011060	Nguyễn Văn Linh	2510607	17		8.65		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
27	251011064	Phạm Thanh Mai	2510607	19		8.55		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
28	251011065	Lại Trần Hồng Minh	2510607	19		8.68		81.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
29	251011072	Vũ Minh Ngọc	2510607	19		8.38		81.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
30	251011089	Nguyễn Thu Thủy	2510607	19		8.42		74.00	15 200 000		15 200 000	Khá
31	251011094	Nguyễn Cẩm Tú	2510607	21		8.47		78.50	16 800 000		16 800 000	Khá
32	251011099	Phạm Như Xuân An	2510608	19		8.72		94.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
33	251011111	Nguyễn Trần Bảo Đan	2510608	21		9.12		93.00	20 160 000		20 160 000	Xuất sắc
34	251011112	Nguyễn Thị Minh Diệp	2510608	15		8.89		86.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
35	251011116	Nguyễn Thùy Dương	2510608	19		8.74		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
36	251011119	Nguyễn Thu Hà	2510608	19		8.46		90.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi

HOC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
37	251011152	Ngô Trang	Nhung	2510608	17		8.40		87.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
38	251011168	Lê Minh	Trang	2510608	19		8.42		85.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
39	251011169	Nguyễn Thị Minh	Trang	2510608	19		8.68		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
40	251011171	Nguyễn Hương	Tú	2510608	19		8.55		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
41	251011177	Đỗ Minh	Anh	2510609	20		8.75		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
42	251011178	Đỗ Phương	Anh	2510609	20		8.33		90.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
43	251011181	Phùng Quang	Anh	2510609	17		8.47		85.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
44	251011186	Hồ Khánh	Chi	2510609	20		8.45		81.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
45	251011199	Hoàng Nguyễn Minh	Hiển	2510609	20		8.75		73.50	16 000 000		16 000 000	Khá
46	251011210	Bạch Gia	Linh	2510609	17		8.71		92.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
47	251011212	Ngô Khánh	Linh	2510609	18		8.67		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
48	251011213	Ngô Phương	Linh	2510609	20		8.93		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
49	251011214	Nguyễn Phương	Linh	2510609	18		8.49		87.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
50	251011224	Đặng Hồng	Ngọc	2510609	20		8.54		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
51	251011232	Nguyễn Bùi Quỳnh	Phương	2510609	20		8.79		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
52	251011243	Mạnh	Thy	2510609	20		8.60		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
53	251011252	Nguyễn Yến	Vy	2510609	17		8.49		87.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
54	251011256	Nguyễn Minh	Anh	2510610	20		8.71		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
55	251011262	Đỗ Bảo	Châu	2510610	20		9.03		85.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
56	251011264	Trần Thị Kim	Chi	2510610	20		8.62		82.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
57	251011287	Đỗ Huyền	Linh	2510610	20		8.39		88.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
58	251011300	Ngô Thiên	Ngân	2510610	20		9.03		91.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
59	251011334	Nguyễn Mỹ	Anh	2510611	20		9.07		89.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
60	251011343	Vũ Phương	Diệp	2510611	20		8.70		89.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
61	251011351	Lý Khả	Hân	2510611	20		8.91		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
62	251011360	Nguyễn Hiền	Khanh	2510611	20		8.62		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
63	251011362	Dương Anh	Kim	2510611	20		8.76		95.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
64	251011378	Đỗ Phương	Ngọc	2510611	20		8.55		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
65	251011395	Ngô Thị	Thương	2510611	20		8.77		82.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
66	251011442	Lê Ngọc Khánh	Linh	2510612	20		8.69		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
67	251011446	Phạm Văn	Lộc	2510612	18		8.88		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
68	251011448	Lê Nhất Chi	Mai	2510612	20		9.21		92.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
69	251011466	Phan Thị Như	Quỳnh	2510612	20		8.46		81.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
70	251011475	Trần Huyền	Trần	2510612	22		8.41		82.00	19 360 000		19 360 000	Giỏi
71	251011487	Nguyễn Diệu	Anh	2510613	22		8.65		96.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
72	251011488	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	2510613	20		8.36		83.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
73	251011527	Nguyễn Phương Minh	2510613	20		8.44		91.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
74	251011538	Vũ Văn Phong	2510613	17		8.46		90.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
75	251011540	Nguyễn Thị Mai	2510613	17		8.39		90.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
76	251011547	Trần Ngọc Thảo	2510613	22		8.70		84.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
77	251011553	Lý Thu Trang	2510613	18		8.34		90.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
78	251011558	Nguyễn Đức Việt	2510613	20		8.50		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
79	251011590	Nguyễn Thị Khánh Huyền	2510614	18		8.33		92.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
80	251011591	Đặng Minh Khánh	2510614	20		8.36		85.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
81	251011597	Nguyễn Khánh Linh	2510614	22		8.51		85.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
82	251011610	Phạm Bùi Bích Ngọc	2510614	20		8.51		80.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
83	251011616	Đào Hà Phương	2510614	17		8.90		87.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
84	251011617	Nguyễn Thu Phương	2510614	20		8.75		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
85	251011619	Nguyễn Thị Quyên	2510614	17		8.57		82.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
86	251011639	Dương Thái Minh Anh	2510615	18		8.34		81.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
87	251011658	Trần Thị Thu Hà	2510615	20		8.56		81.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
88	251011707	Ngô Thùy Trang	2510615	18		8.77		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
89	251011748	Đặng ánh Linh	2510616	20		8.61		90.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
90	251011756	Nguyễn Hoàng Mai	2510616	22		8.39		84.00	19 360 000		19 360 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
91	251011762	Phạm Khánh	Ngân	2510616	20		8.47		90.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
92	251011779	Mông Thị Anh	Thư	2510616	20		8.39		91.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
93	251011786	Phan Thanh	Trúc	2510616	20		8.61		90.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 93										1 576 800 000		1 576 800 000	

NĂM HỌC: 2025 - 2026

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241072116	Bùi Quốc	An	2410721	19		9.07		95.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
2	241072119	Nguyễn Mai	Anh	2410721	19		8.76		91.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
3	241072122	Nguyễn Thị Ngọc	Bình	2410721	19		8.85		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
4	241072136	Nguyễn Hồng	Hoàng	2410721	19		8.76		81.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
5	241072149	Phạm Diệu	Linh	2410721	19		9.04		92.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
6	241072151	Nguyễn Tự	Lộc	2410721	19		8.82		80.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
7	241072154	Vũ Ngọc Trà	My	2410721	19		9.19		94.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
8	241072175	Thân Đức	Việt	2410721	19		9.32		96.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
9	241072180	Đậu Đức	Anh	2410722	20		8.85		93.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
10	241072190	Nguyễn Thùy	Dương	2410722	20		9.02		96.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
11	241072191	Đào Xuân	Đạt	2410722	20		8.83		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
12	241072193	Nguyễn Hương	Giang	2410722	20		8.81		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
13	241072204	Nguyễn Thị Vân	Khánh	2410722	20		9.20		83.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
14	241072208	Lê Hoàng	Linh	2410722	20		8.89		93.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
15	241072211	Nguyễn Thị Diệu	Linh	2410722	20		8.80		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
16	241072212	Phạm Ngọc	Linh	2410722	20		8.88		94.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
17	241072213	Vũ Hương	Linh	2410722	20		8.77		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
18	241072216	Phạm Đăng	Minh	2410722	20		9.10		91.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
19	241072225	Đoàn Khánh	Ngân	2410722	20		9.07		95.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
20	241072226	Trần Trí Anh	Quân	2410722	20		8.82		93.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
21	241072276	Bùi Khánh	Ly	2410723	19		8.76		85.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
22	241072330	Nguyễn Quang	Khôi	2410724	19		8.82		80.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
23	241072368	Hoàng Nhật	Anh	2410725	20		8.81		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
24	241072375	Nguyễn Minh	Châu	2410725	20		9.05		86.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
25	241072383	Nguyễn Thị Hương	Giang	2410725	15		8.91		93.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
26	241072388	Phí Nguyên	Hoàng	2410725	20		9.05		90.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
27	241072396	Bùi Phương	Linh	2410725	21		9.05		91.00	20 160 000		20 160 000	Xuất sắc
28	241072449	Ma Thanh	Hằng	2410726	19		8.81		78.50	15 200 000		15 200 000	Khá
29	241072450	Phạm Hoàng	Hiệp	2410726	19		9.02		91.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
30	241072457	Nguyễn Đức	Khải	2410726	19		8.81		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
31	241072466	Điệp Bảo	Long	2410726	19		9.00		95.50	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
32	241072471	Dương Bảo	Ngọc	2410726	19		9.27		86.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
33	241072479	Kiều Cao	Sơn	2410726	19		9.14		80.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
34	241072482	Đỗ Quang	Thắng	2410726	19		9.31		96.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
35	241072496	Đoàn Phương	Anh	2410727	19		8.93		95.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
36	241072502	Lê Phan Trung	Bắc	2410727	19		8.95		93.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
37	241072516	Hà Thu Hiền	2410727	19		9.08		96.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
38	241072530	Trương Ngọc Khánh Linh	2410727	19		8.82		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
39	241072572	Nguyễn Minh Hằng	2410728	19		9.09		88.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
40	241072614	Nguyễn Ngọc Hà Vi	2410728	19		8.77		80.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
41	241072623	Nguyễn Hải Bình	2410729	19		9.03		93.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
42	241072637	Nguyễn Tiến Hoàn	2410729	19		8.96		95.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
43	241072646	Chu Bảo Linh	2410729	19		9.04		94.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
44	251071807	Kiều Bảo Hân	2510617	18		8.79		82.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
45	251071812	Hoàng Thị Ngọc Khánh	2510617	18		8.86		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
46	251071838	Lê Phạm Anh Thư	2510617	18		9.04		85.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
47	251071840	Nguyễn Hương Trà	2510617	18		8.78		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
48	251071847	Lê Bảo Châu Anh	2510618	18		8.64		85.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
49	251071862	Nghiêm Bảo Hân	2510618	18		8.99		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
50	251071876	Hồ Ngọc Mai	2510618	18		8.81		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
51	251071883	Dương Yến Nhi	2510618	18		8.77		84.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
52	251071893	Nguyễn Minh Thư	2510618	18		8.87		92.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
53	251071906	Từ Ngọc Bảo Anh	2510619	18		8.86		80.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
54	251071919	Hồ Lục Gia Huy	2510619	18		8.72		82.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
55	251071931	Nguyễn Ngọc Mai	2510619	18		8.66		73.50	14 400 000		14 400 000	Khá
56	251071940	Nguyễn Trịnh Phú	2510619	18		8.73		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
57	251071941	Ngô Vũ Hà Phương	2510619	18		8.72		75.50	14 400 000		14 400 000	Khá
58	251071945	Ngô Thái Sơn	2510619	18		8.78		85.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
59	251071967	Đỗ Kim Dung	2510620	18		8.78		85.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
60	251071973	Lê Ngọc Huy	2510620	18		8.79		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
61	251071974	Đỗ Thị Huyền	2510620	18		8.71		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
62	251072074	Ngô Phương Chi	2510622	20		8.78		80.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
63	251072078	Nguyễn Minh Diệp	2510622	18		8.64		76.50	14 400 000		14 400 000	Khá
64	251072087	Lê Ngọc Minh Khuê	2510622	18		8.68		76.50	14 400 000		14 400 000	Khá
65	251072095	Phạm Diệu Ly	2510622	18		8.73		80.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
66	251072102	Nguyễn Minh Nguyệt	2510622	15		8.71		87.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
67	251072103	Trần Hồ Thiện Nhân	2510622	15		8.93		84.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
68	251072109	Nguyễn Hoàng Hiếu Tâm	2510622	18		8.84		77.50	14 400 000		14 400 000	Khá
69	251072111	Nguyễn Diệu Thảo	2510622	18		8.65		89.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
70	251072113	Đào Ngân Thương	2510622	18		8.96		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
71	251072115	Khương Hà Trang	2510622	18		9.03		87.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
72	251072134	Bùi Hương Giang	2510623	18		9.20		83.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1941/QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
73	251072135	Thái Thị Việt	Hà	2510623	18		9.18		90.00	17 280 000		17 280 000	Xuất sắc
74	251072154	Vũ Bảo	Ngân	2510623	18		8.81		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
75	251072158	Trần Thị Hồng	Nhung	2510623	18		9.00		85.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
76	251072166	Nguyễn Thị Minh	Thu	2510623	18		8.88		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
77	251072171	Nguyễn Xuân	Triết	2510623	18		8.89		89.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
78	251072179	Trần Nhật	Anh	2510624	18		8.93		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
79	251072188	Lê Nguyễn Thùy	Dương	2510624	21		8.81		82.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
80	481718	Vũ Thị Bích	Hằng	4817	16		9.15		91.00	15 360 000		15 360 000	Xuất sắc
81	481725	Ngô Hương	Lan	4817	16		8.56		78.50	12 800 000		12 800 000	Khá
82	481752	Đỗ Quỳnh	Trang	4817	16		8.71		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
83	481762	Nguyễn Nhật	Linh	4817	16		8.74		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
84	481802	Ngô Thúy	An	4818	16		8.88		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
85	481804	Nguyễn Thị	ánh	4818	16		8.68		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
86	481806	Nguyễn Văn	Anh	4818	16		8.75		91.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
87	481810	Đinh Văn	Chiến	4818	16		8.89		82.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
88	481840	Lê Thị Yến	Nhi	4818	16		8.60		82.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
89	481913	Hoàng Mạnh	Đạt	4819	16		8.90		96.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
90	481931	Nguyễn Tiến	Mạnh	4819	16		9.06		98.00	15 360 000		15 360 000	Xuất sắc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
91	481932	Trần Đức Minh	4819	16		8.85		71.50	12 800 000		12 800 000	Khá
92	481933	Lê Hà My	4819	16		8.61		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
93	481936	Bùi Đỗ Yến Nhi	4819	16		8.54		81.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
94	481942	Trần Hà Phương	4819	16		8.66		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
95	481961	Đỗ Thị Hải Yến	4819	16		8.78		93.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
96	482011	Phạm ánh Dương	4820	16		8.70		78.50	12 800 000		12 800 000	Khá
97	482015	Lê Yên Hạnh	4820	16		8.66		91.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
98	482017	Đỗ Văn Hiếu	4820	16		8.70		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
99	482019	Trần Huy Hoàng	4820	16		8.58		83.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
100	482020	Khuất Thị Thu Huyền	4820	16		8.59		86.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
101	482026	Hoàng Ngọc Linh	4820	16		9.09		93.00	15 360 000		15 360 000	Xuất sắc
102	482029	Đặng Hoàng Minh	4820	30		8.68		86.00	26 400 000		26 400 000	Giỏi
103	482040	Nguyễn Minh Quang	4820	16		8.66		91.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
104	482050	Nguyễn Thị Hoài Thu	4820	16		8.73		81.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
105	482102	Đinh Ngọc Anh	4821	20		8.80		80.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
106	482107	Trương Ngọc ánh	4821	19		8.75		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
107	482117	Lê Chí Hiếu	4821	16		9.18		94.00	15 360 000		15 360 000	Xuất sắc
108	482131	Nguyễn Đức Minh	4821	16		8.73		93.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi

HỌC KỲ: II NĂM HỌC: 2025 - 2026

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
109	482238	Hoàng Thị Ngọc Oanh	4822	16		8.62		81.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
110	482247	Lương Hồ Anh Thư	4822	16		8.79		93.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
111	482248	Nguyễn Anh Thư	4822	16		8.57		70.50	12 800 000		12 800 000	Khá
112	482249	Nguyễn Anh Thư	4822	18		8.95		92.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
113	482315	Hoàng Ngân Hà	4823	16		8.55		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
114	482318	Đào Thị Thúy Hào	4823	16		8.57		81.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
115	482405	Nguyễn Thị Phương Anh	4824	16		8.96		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
116	482410	Nguyễn Thanh Hải Duyên	4824	16		8.93		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
117	482417	Lê Thị Thúy Hằng	4824	16		8.69		80.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
118	482422	Vì Thu Huyền	4824	16		8.60		86.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
119	482424	Vương Nghi Kỳ	4824	16		8.53		89.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
120	482426	Đinh Thị Linh	4824	16		8.63		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
121	482430	Nguyễn Thanh Mai	4824	16		8.75		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
122	482435	Nguyễn Hiền Ngọc	4824	16		8.71		89.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
123	482436	Nguyễn Khánh Nguyên	4824	16		8.53		89.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
124	482437	Nguyễn Thảo Nguyên	4824	16		8.57		77.50	12 800 000		12 800 000	Khá
125	482443	Nguyễn Thị Như Quỳnh	4824	16		8.67		86.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
126	482461	Trịnh Thủy Dương	4824	16		8.63		80.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi

	Tổng số SV theo danh sách: 126						1 996 480 000		1 996 480 000	
--	--------------------------------	--	--	--	--	--	---------------	--	---------------	--

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 19.11 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241092688	Nguyễn Lam	Anh	2410730	20		8.36		89.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
2	241092705	Phạm Thu	Hải	2410730	18		8.56		89.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
3	241092741	Lê Minh	Quân	2410730	24		8.72		90.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
4	241092742	Vũ Tôn	Quyên	2410730	18		8.46		93.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
5	241092750	Lê Anh	Thư	2410730	18		8.41		90.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
6	241092761	Bùi Minh	Anh	2410731	18		8.55		80.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
7	241092802	Thái Thùy	Linh	2410731	18		8.44		80.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
8	241092808	Cao Trà	My	2410731	18		8.44		91.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
9	241092810	Lê Thị	Ngân	2410731	18		8.48		87.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
10	241092820	Bạch Hưng	Quốc	2410731	18		8.48		86.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
11	241092824	Nguyễn Hà	Thanh	2410731	18		8.40		90.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
12	241092829	Nguyễn Minh	Thư	2410731	18		8.34		93.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
13	241092843	Lê Hà	Anh	2410732	18		8.42		80.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
14	241092844	Lê Thị Quỳnh	Anh	2410732	18		8.41		88.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
15	241092847	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	2410732	18		8.34		85.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
16	241092852	Trương Diệp	Anh	2410732	18		8.44		88.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
17	241092856	Phan Linh	Chi	2410732	18		8.41		80.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
18	241092883	Vũ Nhật Bảo	Long	2410732	20		8.44		81.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
19	241092907	Đỗ Thị Anh Thư	2410732	18		8.36		88.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
20	241092910	Đỗ Minh Trang	2410732	18		8.48		83.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
21	251092243	Ngô Xuân Dũng	2510625	19		8.95		87.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
22	251092245	Nguyễn Thị Trà Giang	2510625	19		8.59		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
23	251092249	Phạm Tuấn Hưng	2510625	19		8.83		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
24	251092252	Phạm Ngọc Khánh	2510625	19		8.55		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
25	251092269	Đoàn Khánh Ngọc	2510625	19		8.83		82.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
26	251092281	Nguyễn Lê Ngọc Quyên	2510625	19		8.84		93.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
27	251092299	Cao Thị Quỳnh Anh	2510626	19		8.72		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
28	251092304	Phạm Văn Anh	2510626	19		8.53		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
29	251092369	Lê Trần Hà Anh	2510627	19		8.92		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
30	251092395	Phùng Hoàng Phương Linh	2510627	19		8.66		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
31	251092397	Nguyễn Đình Lộc	2510627	19		8.99		92.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
32	251092410	Trần An Nhi	2510627	19		8.75		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
33	251092420	Nguyễn Hà Thanh	2510627	19		8.86		92.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
34	251092421	Nguyễn Phương Thảo	2510627	19		8.54		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
35	251092433	Nguyễn Nhật Vy	2510627	19		8.53		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
36	482509	Phạm Phương Anh	4825	17		8.73		97.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
37	482514	Trần Đức Bảo Duy	4825	22		8.85		93.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
38	482547	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	4825	15		8.57		90.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
39	482561	Nguyễn Thị Thơm	4825	22		8.48		89.00	19 360 000		19 360 000	Giỏi
40	482613	Phạm Ngọc Diệp	4826	17		8.75		96.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
41	482629	Lê Trần Minh Khang	4826	17		8.55		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
42	482641	Phạm Chi Mai	4826	15		8.56		88.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
43	482653	Đàm Hà Phương	4826	15		8.72		85.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
44	482662	Lê Anh Thư	4826	15		8.48		91.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
45	482665	Nguyễn Hà Trang	4826	18		8.54		91.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
46	482667	Đặng Thùy Trinh	4826	20		8.53		85.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
47	482713	Phan Thị Ngọc Chính	4827	15		8.84		86.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
48	482728	Vũ Thị Thu Hường	4827	15		8.49		86.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
49	482733	Hồ Nữ Thục Linh	4827	15		8.63		85.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
50	482734	Nguyễn Khánh Linh	4827	15		8.85		85.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
51	482736	Nguyễn Thị Khánh Linh	4827	15		8.73		85.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
52	482740	Lương Phương Ly	4827	15		8.63		85.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
53	482751	Nguyễn Thị Phương Nhi	4827	15		8.99		93.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
54	482764	Đặng Huyền Trang	4827	15		8.89		90.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
55	482773	Hoàng Phi Yến	4827	15		8.99		88.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
		Tổng số SV theo danh sách: 55							865 040 000		865 040 000	

HỌC KỲ: II NĂM HỌC: 2025 - 2026

Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241102934	Đỗ Hương Duyên	2410733	20		8.48		81.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
2	241102937	Phạm Trung Đức	2410733	20		9.02		92.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
3	241102938	Lê Thu Giang	2410733	20		8.78		96.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
4	241102939	Nguyễn Hương Giang	2410733	20		9.04		80.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
5	241102943	Nguyễn Thu Hằng	2410733	20		8.56		81.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
6	241102949	Nguyễn Lê Nhật Huy	2410733	20		8.56		75.50	16 000 000		16 000 000	Khá
7	241102952	Nguyễn Thu Hương	2410733	20		8.45		82.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
8	241102970	Lê Trà My	2410733	20		8.50		81.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
9	241102971	Phan Trà My	2410733	20		8.54		81.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
10	241102982	Nguyễn Trần Hà Phương	2410733	20		8.67		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
11	241103025	Đỗ Hương Giang	2410734	22		8.75		90.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
12	241103061	Thái Thị Kim Ngân	2410734	20		8.59		82.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
13	241103098	Nguyễn Hà Anh	2410735	20		8.46		89.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
14	241103136	Trần Anh Linh	2410735	20		8.64		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
15	241103143	Nguyễn Hoàng Minh	2410735	20		9.08		87.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
16	241103144	Đỗ Trà My	2410735	20		8.76		89.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
17	241103156	Nguyễn Thị Mai Phương	2410735	20		8.46		85.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
18	241103169	Nguyễn Thị Thu Trang	2410735	18		8.84		93.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1941 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
19	241103170	Phan Thị Thu Trang	2410735	20		8.49		86.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
20	251102449	Phạm Minh Châu	2510628	16		8.75		87.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
21	251102472	Nguyễn Thị Thùy Linh	2510628	16		8.89		87.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
22	251102473	Trịnh Mai Hoàng Linh	2510628	16		8.96		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
23	251102482	Nguyễn Hồng Phong	2510628	16		8.99		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
24	251102492	Hà Minh Thư	2510628	16		8.94		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
25	251102497	Nguyễn Hoàng Huyền Trang	2510628	16		8.80		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
26	251102504	Lê Đặng Hải Anh	2510629	16		8.71		74.50	12 800 000		12 800 000	Khá
27	251102506	Nguyễn Duyên Anh	2510629	16		8.78		87.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
28	251102507	Nguyễn Hiền Anh	2510629	16		8.73		95.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
29	251102511	Nguyễn Thuỷ Anh	2510629	16		8.76		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
30	251102527	Công Ngọc Bảo Hân	2510629	16		8.75		92.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
31	251102531	Trần Mạnh Hưởng	2510629	16		8.81		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
32	251102532	Nguyễn Ngọc Gia Khang	2510629	16		9.04		87.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
33	251102537	Nguyễn Khánh Linh	2510629	16		8.85		82.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
34	251102544	Đỗ Đức Minh	2510629	16		8.96		93.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
35	251102555	Vũ Thị Bảo Tâm	2510629	16		8.84		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
36	251102567	Lê Hà Vi	2510629	16		8.81		78.50	12 800 000		12 800 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
37	251102604	Nguyễn Khánh Linh	2510630	16		8.74		82.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
38	482811	Tống Phan Anh	4828	16		8.46		88.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
39	482833	Nguyễn Lâm Khoa	4828	16		8.49		89.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
40	482848	Nguyễn Ngọc Phương Nga	4828	16		8.61		89.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
41	482849	Nguyễn Vũ Thu Ngân	4828	16		8.58		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
42	482932	Trương Mi Lan	4829	16		8.41		89.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
43	482954	Lê Thị Mai Phương	4829	16		8.48		89.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
44	482957	Trần Thị Quỳnh	4829	16		8.75		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
45	482965	Lê Thùy Trang	4829	16		8.82		89.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
46	482969	Trần Thị Tuyết	4829	16		8.53		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
47	482970	Lê Thanh Vân	4829	16		8.43		86.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
48	482971	Ngô ánh Vượng	4829	16		8.59		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
49	482973	Nguyễn Thị Hải Yến	4829	16		8.51		86.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
50	483027	Nguyễn Khánh Huyền	4830	16		8.61		87.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
51	483038	Trần Hoàng Linh	4830	16		8.47		89.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
52	483039	Trần Ngọc Linh	4830	16		8.44		82.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
53	483052	Nguyễn Yến Nhi	4830	16		8.50		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
54	483056	Trịnh Thị Thu Quyên	4830	16		8.80		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
55	483063	Ninh Thị An Thư	4830	16		8.78		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
56	483070	Trần Thanh Vân	4830	16		8.41		89.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
57	483071	Dương Tiểu Vy	4830	16		8.73		80.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
58	483072	Cao Thị Hải Yến	4830	16		8.63		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 58									880 960 000		880 960 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Phân hiệu ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241013228	Bùi Lê Chiêu	Hoàng	2410736	16		8.73		81.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
2	241013248	Nguyễn Thùy	Linh	2410736	16		8.25		89.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
3	241013254	Nguyễn Ngọc	Luân	2410736	16		8.13		79.00	14 544 000		14 544 000	Khá
4	241013256	Đỗ Phú	Mạnh	2410736	16		8.11		87.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
5	241013275	Võ Hồng Quang	Nguyễn	2410736	16		8.14		83.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
6	241013280	Lê Anh	Phúc	2410736	16		8.31		81.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
7	241013290	Cao Thị	Thúy	2410736	16		8.20		85.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
8	241013297	Nguyễn Bạch Thuỳ	Trang	2410736	16		8.11		87.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
9	241013299	Văn Thị Hà	Trang	2410736	16		8.41		90.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
10	241013353	Hoàng Thu	Hà	2410737	16		8.13		88.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
11	241013364	Ksơ Trần Mai	Hoa	2410737	16		8.15		89.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
12	241013366	Bạch Huy	Hoàng	2410737	16		8.33		95.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
13	241013369	Đoàn Phương	Huy	2410737	16		8.36		95.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
14	241013374	Đào Quốc	Hữu	2410737	16		8.19		82.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
15	241013402	Phạm Hà Tú	My	2410737	16		8.33		85.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
16	241013406	Đàm Thị Kim	Ngân	2410737	16		8.30		90.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
17	241013414	Phạm Kim	Nhung	2410737	16		8.40		85.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
18	241013454	Phạm Ngọc	ánh	2410737	16		8.65		91.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Phân hiệu ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
19	251012972	Đào Vi Anh	2510639	17		8.74		80.50	16 998 300		16 998 300	Giỏi
20	251012982	Nguyễn Ngọc ánh	2510639	17		8.71		86.50	16 998 300		16 998 300	Giỏi
21	251012987	Đặng Minh Châu	2510639	17		8.48		82.00	16 998 300		16 998 300	Giỏi
22	251013027	Võ Hà Linh	2510639	17		8.34		92.00	16 998 300		16 998 300	Giỏi
23	251013036	Nguyễn Thảo Nguyên	2510639	17		8.51		86.50	16 998 300		16 998 300	Giỏi
24	251013051	Nguyễn Thiện Tài	2510639	17		8.38		78.00	15 453 000		15 453 000	Khá
25	251013083	Nguyễn Quang Thế Anh	2510640	17		8.32		82.00	16 998 300		16 998 300	Giỏi
26	251013094	Nguyễn Quỳnh Chi	2510640	17		8.36		91.00	16 998 300		16 998 300	Giỏi
27	251013115	Ngô Minh Hương	2510640	17		8.57		92.50	16 998 300		16 998 300	Giỏi
28	251013173	Trần Thảo Trang	2510640	17		8.32		88.00	16 998 300		16 998 300	Giỏi
29	251013187	Nguyễn Hải Anh	2510641	17		8.38		86.00	16 998 300		16 998 300	Giỏi
30	251013196	Phạm Thị Băng Băng	2510641	17		8.51		74.50	15 453 000		15 453 000	Khá
31	251013202	Hồ Hải Đăng	2510641	17		8.41		81.00	16 998 300		16 998 300	Giỏi
32	251013243	Nguyễn Quang Minh	2510641	17		8.85		85.50	16 998 300		16 998 300	Giỏi
33	251013244	Phạm Đức Minh	2510641	17		8.42		78.00	15 453 000		15 453 000	Khá
34	251013245	Vũ Nhật Minh	2510641	17		8.94		80.50	16 998 300		16 998 300	Giỏi
35	251013246	Bùi Thị Nghĩa	2510641	17		8.67		82.50	16 998 300		16 998 300	Giỏi
36	251013257	Lê Thị Lâm Phương	2510641	17		8.58		88.50	16 998 300		16 998 300	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Phân hiệu ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
37	251013280	Nguyễn Quang Tú	2510641	17		8.49		93.00	16 998 300		16 998 300	Giỏi
38	251013285	Ngô Diệu Vy	2510641	17		8.48		83.00	16 998 300		16 998 300	Giỏi
39	111908000	Lê Quốc Anh	4840	17		8.70		90.50	16 998 300		16 998 300	Giỏi
40	4840025	Nguyễn Hoàng Hải	4840	16		8.83		86.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
41	4840042	Đỗ Thị Hồng Linh	4840	16		8.69		90.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
42	4840044	Nguyễn Ngọc Linh	4840	16		8.77		90.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
43	4840056	Trần Duy Thành Nam	4840	16		8.41		84.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
44	4840062	Dương Yến Nhi	4840	16		8.56		86.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
45	4840084	Nguyễn Hà Thủy	4840	16		8.69		86.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
46	4840086	Quản Phạm Anh Thương	4840	16		9.24		94.00	17 452 800		17 452 800	Xuất sắc
47	4840088	Lê Khánh Toàn	4840	16		8.56		88.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
48	4841004	Lê Hoàng Anh	4841	16		8.43		89.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
49	4841014	Kiều Mạnh Cường	4841	16		8.97		82.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
50	4841018	Nguyễn Thị Thanh Duyên	4841	16		8.43		80.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
51	4841054	Phan Trí Nam	4841	16		8.88		91.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
52	4841062	Nguyễn Thị Yến Nhi	4841	16		8.43		86.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
53	4841066	Lê Kim Oanh	4841	16		8.60		89.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
54	4841093	Bạch Lê Bảo Trân	4841	16		8.63		88.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số ~~1911~~ /QĐ-ĐHLHN ngày ~~14~~ tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Phân hiệu ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
55	4841106	Nguyễn Thúy Vy	4841	16		8.41		88.00	15 998 400		15 998 400	Giỏi
56	4841107	Trần Kim Yến	4841	16		8.69		89.50	15 998 400		15 998 400	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 56									912 272 400		912 272 400	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
19	483212	Trần Đào Việt	Hưng	4832	16		9.19		93.50	33 868 800		33 868 800	Xuất sắc
20	483219	Hoàng Hồng	Long	4832	17		8.78		78.50	29 988 000		29 988 000	Khá
21	483228	Nguyễn Thiên	Trang	4832	19		9.01		91.00	40 219 200		40 219 200	Xuất sắc
22	483323	Đồng Thúy	Nga	4833	17		8.85		83.50	32 986 800		32 986 800	Giỏi
23	483427	Đỗ Đức	Phúc	4834	17		8.84		96.50	32 986 800		32 986 800	Giỏi
24	483428	Đỗ Hà	Phương	4834	17		8.80		83.50	32 986 800		32 986 800	Giỏi
25	481415	Nguyễn Thuỳ	Dương	4835	22		8.79		90.50	42 688 800		42 688 800	Giỏi
26	483506	Nguyễn Hà	Chi	4835	18		9.14		96.00	38 102 400		38 102 400	Xuất sắc
27	483512	Lê Thị Khánh	Hạ	4835	18		9.04		93.00	38 102 400		38 102 400	Xuất sắc
28	483516	Đỗ Phương	Linh	4835	18		8.96		90.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
29	483520	Đặng Lê Khánh	Ly	4835	18		8.87		94.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
30	483527	Nguyễn Minh	Phương	4835	18		8.90		88.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
31	483626	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	4836	17		8.82		88.50	32 986 800		32 986 800	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 31										1 091 563 200		1 091 563 200	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	251012651	Vũ Hương Lan	2510631	18		8.73		86.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
2	251012655	Trần Thị Linh	2510631	18		8.56		91.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
3	251012657	Lê Hải Minh	2510631	18		8.74		95.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
4	251012679	Đặng Trường Chinh	2510632	18		8.73		81.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
5	251012686	Nguyễn Trần Nam	2510632	18		8.67		94.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
6	251012707	Phan Đình Trọng	2510632	18		8.66		87.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
7	251012722	Đinh Nguyễn Phương	2510633	18		8.87		86.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
8	251012775	Hoàng Thị Thanh Tâm	2510634	18		8.66		79.50	31 752 000		31 752 000	Khá
9	251012798	Nguyễn Bảo Lâm	2510635	18		8.68		88.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
10	251012801	Nguyễn Thùy Linh	2510635	18		8.72		84.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
11	251012810	Nguyễn Cát Phương	2510635	18		8.72		89.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
12	251012816	Ngô Mai Trang	2510635	18		9.29		90.00	38 102 400		38 102 400	Xuất sắc
13	251012829	Nguyễn Phạm Gia Hân	2510636	18		8.70		85.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
14	251012831	Vũ Minh Huyền	2510636	18		8.62		94.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
15	251012834	Nguyễn Tùng Lâm	2510636	18		8.61		88.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
16	251012836	Nguyễn Hà Linh	2510636	18		9.01		93.00	38 102 400		38 102 400	Xuất sắc
17	251012840	Lê Anh Minh	2510636	18		8.87		84.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
18	483116	Hoàng Hải Linh	4831	18		8.77		89.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

Học kỳ: II

Năm học: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-ĐHLHN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Chất lượng cao Luật KT

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	251072890	Lê Thu	Minh	2510637	20		8.87		84.50	38 808 000		38 808 000	Giỏi
2	251072911	Lê Trần Phương	Uyên	2510637	20		8.66		91.50	38 808 000		38 808 000	Giỏi
3	251072922	Phạm Gia	Bách	2510638	20		8.90		88.50	38 808 000		38 808 000	Giỏi
4	251072936	Trần Duy	Hưng	2510638	20		9.01		82.00	38 808 000		38 808 000	Giỏi
5	251072937	Đặng Quốc	Huy	2510638	20		8.82		92.50	38 808 000		38 808 000	Giỏi
6	251072944	Nguyễn Phương	Linh	2510638	20		8.67		89.50	38 808 000		38 808 000	Giỏi
7	251072945	Tô Ngọc	Linh	2510638	20		8.86		90.50	38 808 000		38 808 000	Giỏi
8	251072953	Nguyễn Gia	Nam	2510638	20		9.20		90.00	42 336 000		42 336 000	Xuất sắc
9	483732	Đỗ Anh	Quân	4837	23		9.10		84.00	44 629 200		44 629 200	Giỏi
10	483805	Nguyễn Đức	Bình	4838	22		9.16		92.00	46 569 600		46 569 600	Xuất sắc
11	483813	Trịnh Phúc	Hiếu	4838	22		9.15		92.00	46 569 600		46 569 600	Xuất sắc
12	483827	Phạm Thảo	Ngọc	4838	22		9.09		86.00	42 688 800		42 688 800	Giỏi
13	483835	Nguyễn Đặng Ngọc	Thương	4838	22		9.06		86.00	42 688 800		42 688 800	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 13										537 138 000		537 138 000	

